

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 650/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê chuẩn Điều lệ Liên hiệp các Hội khoa học
và kỹ thuật Việt Nam**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ báo cáo kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam lần thứ V ngày 27 và 28 tháng 12 năm 2004;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Điều lệ Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (sửa đổi) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2004 (ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Phan Văn Khải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 650/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài giữ nước và dựng nước, trí thức Việt Nam luôn nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, không ngừng phấn đấu, hy sinh, hăng hái tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Giữa thế kỷ XX, nhiều hội của các nhà khoa học Việt Nam lần lượt được thành lập. Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ủy ban liên lạc lâm thời các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, ngày 26 tháng 3 năm 1983, tại Thủ đô Hà Nội, đại biểu của 14 Hội khoa học và kỹ thuật ngành trung ương và Hội liên hiệp khoa học và kỹ thuật Hà Nội đã tổ chức đại hội thành lập Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Từ khi thành lập đến nay, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam không ngừng được củng cố và phát triển, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ nước nhà.

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (gọi tắt là Liên hiệp hội Việt Nam) là tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam. Liên hiệp hội Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và đoàn kết.

Liên hiệp hội Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 2. Mục đích của Liên hiệp hội Việt Nam là phát huy tiềm năng trí tuệ của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Điều 3. Liên hiệp hội Việt Nam hoạt động theo Điều lệ do Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua. Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Liên hiệp hội Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, có trụ sở tại Hà Nội và có thể thành lập cơ quan thường trú tại một số địa phương theo quy định của pháp luật.

Liên hiệp hội Việt Nam có tư cách pháp nhân, biên chế, con dấu, tài sản, tài chính, cơ quan ngôn luận và nhà xuất bản riêng. Việc thành lập cơ quan ngôn luận và nhà xuất bản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Điều 5. Liên hiệp hội Việt Nam có các chức năng sau đây:

1. Tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ ở trong nước, trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài; điều hòa, phối hợp hoạt động của các hội thành viên.

2. Làm đầu mối giữa các hội thành viên với các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức khác nhằm giải quyết những vấn đề chung trong hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam.

3. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, hội thành viên, của trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam.

Điều 6. Liên hiệp hội Việt Nam có các nhiệm vụ sau đây:

1. Củng cố, phát triển tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của các hội thành viên.

2. Tham gia thực hiện xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo:

a) Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ tham gia hoạt động

hội; phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong nhân dân; tổ chức và hướng dẫn phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội nhằm góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chương trình, kế hoạch, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng pháp luật, tăng cường củng cố an ninh - quốc phòng; tham gia giám sát độc lập đối với các đề án, công trình quan trọng.

c) Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường.

d) Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề, góp phần xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

đ) Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Thực hiện công tác vận động trí thức khoa học và công nghệ:

a) Phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần hợp tác, tính cộng đồng, tính trung thực và đạo đức nghề nghiệp.

b) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước.

c) Vận động trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Tạo điều kiện nâng cao trình độ nghề nghiệp, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, vật chất của những người làm công tác khoa học và công nghệ.

4. Thực hiện vai trò thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

a) Phối hợp với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triển khai các hoạt động chung nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

b) Phản ánh nguyện vọng và ý kiến đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ với Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

c) Tham gia đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh, vì tình hữu nghị, sự hiểu biết và hợp tác giữa các dân tộc.

5. Tăng cường hợp tác với các hội, các tổ chức phi chính phủ của các nước, tham gia các tổ chức khoa học và công nghệ của khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI THÀNH VIÊN

Điều 7. Hội thành viên của Liên hiệp hội Việt Nam là các hội, tổng hội hoạt động hợp pháp trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ (gọi chung là hội ngành trung ương) và các Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Liên hiệp hội địa phương).

Hội ngành trung ương được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, hoạt động trên phạm vi cả nước.

Liên hiệp hội địa phương được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, là thành viên của Liên hiệp hội Việt Nam. Liên hiệp hội địa phương có thành viên là các hội ngành địa phương, thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các hội thành viên có quyền tự chủ, tự quản, có điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động riêng phù hợp với Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam về việc thực hiện Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam.

Điều 9. Quyền của các hội thành viên:

1. Tham gia thảo luận và quyết định các chủ trương chung của Liên hiệp hội Việt Nam.

2. Được Liên hiệp hội Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ trong hoạt động hội.

3. Tham gia các tổ chức và các hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam.

4. Hưởng các quyền lợi do Liên hiệp hội Việt Nam quy định.

5. Có quyền ra khỏi Liên hiệp hội Việt Nam khi có nghị quyết Đại hội của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của các hội thành viên:

1. Chấp hành Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam và thực hiện nghị quyết của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.
2. Không ngừng mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế của Liên hiệp hội Việt Nam, vận động hội viên hưởng ứng các hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam.
3. Cùng cố khối đoàn kết trong Liên hiệp hội Việt Nam, hỗ trợ và hợp tác với nhau trong hoạt động.
4. Đóng góp cho hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam theo quy định của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO LIÊN HIỆP HỘI VIỆT NAM

Điều 11. Cơ quan lãnh đạo Liên hiệp hội Việt Nam được bầu cử và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

Điều 12. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên hiệp hội Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc của Liên hiệp hội Việt Nam.

Đại hội họp thường lệ 5 năm một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của trên 1/2 số hội thành viên.

Số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu tham dự đại hội do Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam quy định.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc của Liên hiệp hội Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Thông qua báo cáo tổng kết của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam về tình hình và kết quả hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam trong nhiệm kỳ đã qua, quyết định phương hướng hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam trong nhiệm kỳ tới.
2. Thảo luận và biểu quyết việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam.
3. Bầu cử Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.

Điều 14. Thành phần của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam gồm đại diện của tất cả các hội thành viên và một số ủy viên do Đoàn Chủ tịch khóa

trước giới thiệu, số lượng các ủy viên này không quá 15% tổng số ủy viên của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.

Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam họp thường lệ mỗi năm một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Đoàn Chủ tịch hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.

Điều 15. Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp hội Việt Nam, chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam giữa hai kỳ đại hội.

Điều 16. Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam có quyền quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của mình; quyết định kết nạp các hội thành viên mới; bổ sung, thay đổi, miễn nhiệm các ủy viên Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam; chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các hội thành viên và giải quyết các vấn đề theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

Điều 17. Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam bầu ra Đoàn Chủ tịch. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một số ủy viên. Thể thức bầu Đoàn Chủ tịch do Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam quyết định.

Đoàn Chủ tịch thay mặt Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam giữa hai kỳ họp của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam. Đoàn Chủ tịch phân công một số ủy viên làm nhiệm vụ thường trực.

Hoạt động của Đoàn Chủ tịch và nhiệm vụ cụ thể của các ủy viên được quy định tại Quy chế hoạt động của Đoàn Chủ tịch.

Đoàn Chủ tịch họp thường lệ 3 tháng một lần. Chủ tịch có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường của Đoàn Chủ tịch.

Điều 18. Đoàn Chủ tịch thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan trung ương Liên hiệp hội Việt Nam, các Hội đồng chuyên môn và các tổ chức trực thuộc. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam bầu ra Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp hội Việt Nam. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp hội Việt Nam như sau:

1. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ và quy chế hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam, của các hội thành viên và các tổ chức trực thuộc.

2. Hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động của Ủy ban (Ban) Kiểm tra của các hội thành viên.

3. Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Điều 20. Cơ cấu, số lượng ủy viên và thể thức bầu Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp hội Việt Nam do Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam quy định.

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam.

Ủy ban Kiểm tra họp thường lệ 3 tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam hoặc của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp hội Việt Nam.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Nguồn tài chính của Liên hiệp hội Việt Nam gồm có:

1. Tài trợ của Nhà nước.
2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan nhà nước giao.
3. Đóng góp của các hội thành viên và các tổ chức trực thuộc.
4. Ủng hộ bằng tiền và hiện vật của các cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước.
5. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 22. Tài chính và tài sản của Liên hiệp hội Việt Nam được quản lý và sử dụng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 23. Liên hiệp hội Việt Nam có thể thành lập các quỹ. Việc thành lập và hoạt động của các quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Các hội thành viên, các tổ chức trực thuộc và các hội viên có thành tích

trong công tác hội được Liên hiệp hội Việt Nam khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

Hình thức khen thưởng do Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam quy định.

Điều 25. Các hội thành viên, các tổ chức trực thuộc và các hội viên vi phạm Điều lệ của Liên hiệp hội Việt Nam thì bị thi hành kỷ luật.

Hình thức kỷ luật do Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Bản Điều lệ này gồm 7 chương, 26 điều, được Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp hội Việt Nam lần thứ V thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2004 thay cho bản Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam lần thứ IV thông qua ngày 09 tháng 01 năm 1999.

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp hội Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./.